

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HS-ST

Ngày: 07-3-2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Phúc Hảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quang Mẫn

Bà Lê Thị Yến Nhi

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, số 06 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2019/HSST ngày 24 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Bùi Đức N; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 16/8/1984, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: đường N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: đường N, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 04/12; nghề nghiệp: sửa xe; con ông Bùi Văn S và bà Nguyễn Thị S; hoàn cảnh gia đình: vợ Ngô Thị C và 03 người con (Lớn nhất sinh năm: 2007; Nhỏ nhất sinh năm: 2016); tiền án - tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 29/12/2010, bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo bản án số 244/HSST; Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 14 tháng 8 năm 2018 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*** Chị Ngô Thị C, sinh năm 1989; trú tại: đường N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- ***Người bào chữa:*** Ông Bùi Quang L, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, là luật sư chỉ định cho bị cáo Bùi Đức N (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu sử dụng ma túy, nên vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 14/8/2019, Bùi Đức N điều khiển xe gắn máy biển số 59T1-460.85 đi từ nhà đến đường B, Phường P, Quận A. Tại đây, N để xe máy ngoài đầu hẻm rồi đi bộ đến đường D, Phường P, Quận A mua 01 gói heroine của một người đàn ông (không rõ lai lịch) với giá 50.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, N cầm 01 gói heroine trên tay phải rồi đi bộ ra hẻm lấy xe máy chạy đi về nhà. Đến khoảng 22 giờ 10 phút cùng ngày, khi N điều khiển xe máy đến đường B, Phường P, Quận A thì bị các anh Nguyễn Minh Hùng, Phạm Đức Thắng và Nguyễn Minh Lộc (là cán bộ Đội Cảnh sát điều tra về ma túy – Công an Quận 1) đi tuần tra phát hiện thấy N có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy nên yêu cầu dừng xe kiểm tra thì phát hiện N thả từ tay phải xuống đất 01 gói nylon chứa chất bột màu trắng, nghi là ma túy nên anh Lộc thu giữ vật chứng cùng anh Hùng, Thắng tiến hành bắt giữ N (N khai nhận là Heroine để sử dụng) nên phải giao N về Công an Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang rồi chuyển Cơ quan điều tra Công an Quận 1 xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 21/8/2018, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Tp. Hồ Chí Minh có Kết luận giám định số 1399/KLGD-H như sau: Bột màu trắng trong 01 gói nilon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Bùi Đức N và hình dấu Công an Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,1583g, loại Heroine.

Quá trình điều tra, Bùi Đức N đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, lời khai của N phù hợp với lời khai nhân chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho N, qua điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch. Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Vật chứng vụ án gồm có:

- 01 gói niêm phong bên trong có 0,1583gram ma túy ở thể rắn, loại Heroine;

- Thu giữ của bị cáo:

- + 01 túi đeo màu xanh đựng 15 vòng kim loại màu bạc, 02 sợi dây chuyền kim loại màu bạc; 01 bóp màu nâu đựng 37 viên đá màu trắng, 02 viên đá màu xanh, 01 viên đá nhiều màu và 01 viên đá màu xanh tím. N khai nhận số vật chứng trên là do N tháo ra từ các vật dụng như túi xách, rèm cửa, áo ... trong gia đình sau đó cất giữ trong túi xách và bóp mực đích để sưu tầm (Cơ quan điều tra Công an Quận 1 đã niêm phong trong hai gói có ký hiệu số 02 và 03).

+ 01 xe gắn máy biển số 59T1-460.85, số máy: C100ME-0190031, số khung: C100M-0190031. Qua xác minh xe do chị Ngô Thị C (Sinh năm: 1989; HKTT: đường N, phường B, Quận A) là vợ Bùi Đức N đứng tên đăng ký sở hữu và sử dụng. Việc N sử dụng xe máy trên đi mua ma túy chị C không biết.

Tại Cáo trạng số 21/CT-VKSQ1 ngày 17 tháng 01 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đã truy tố bị cáo Bùi Đức N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 vẫn giữ quyền công tố, luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Bùi Đức N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; p, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Bùi Đức N từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù; miễn cho bị cáo hình phạt bổ sung; tịch thu tiêu hủy số ma túy thu giữ, trả cho chị C 01 xe gắn máy, trả lại cho bị cáo các tài sản không liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho bị cáo nhất trí với tội danh, điều luật mà Đại diện Viện kiểm sát truy tố và luận tội đối với bị cáo; Tuy nhiên, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người có khuyết tật nặng đã được giám định, hoàn cảnh gia đình khó khăn, trình độ văn hóa, trình độ hiểu biết thấp, con còn nhỏ để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh; bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình và nói lời sau cùng, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo cũng đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Vào khoảng 22 giờ 10 phút cùng ngày, tại đường B, Phường P, Quận A, Bùi Đức N có hành vi cất giữ 0,1583 gram Heroin để sử dụng cho bản thân (Theo kết luận

giám định số 1399/KLGĐ-H ngày 21/8/2018 phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh). Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, tang vật thu giữ và các tài liệu khác mà cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định hành vi của bị cáo Bùi Đức N đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho bị cáo nhất trí với tội danh, điều luật mà Đại diện Viện kiểm sát truy tố và luận tội đối với bị cáo. Như vậy, cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đối với bị cáo Bùi Đức N là đúng người, đúng tội, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý, nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách về độc quyền quản lý và phòng chống tội phạm về ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Nhà nước Việt Nam nghiêm cấm việc sản xuất, mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy, đồng thời quy định hình phạt nghiêm khắc những ai cố tình vi phạm. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình đã gây ra, đã bị kết án về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng bị cáo không sửa chữa, rút kinh nghiệm mà còn tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần thiết phải xử lý nghiêm minh bị cáo trước pháp luật nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là là người khuyết tật nặng (Theo bản kết luận giám định pháp y về sức khỏe số 47/SK.18 ngày 26/10/2018 của Trung tâm pháp y – Sở y tế Tp. Hồ Chí Minh kết luận N bị di chứng sốt bại liệt gây teo cơ, yếu liệt nặng chân trái, tỉ lệ tổn thương cơ thể do bệnh là 51%), bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, bị cáo là người khuyết tật nặng, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho N, qua điều tra chưa xác định được lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[6] Xử lý vật chứng:

- 01 gói niêm phong bên trong có 0,1583gram ma túy ở thể rắn, loại Heroine cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 túi đeo màu xanh đựng 15 vòng kim loại màu bạc, 02 sợi dây chuyền kim loại màu bạc; 01 bóp màu nâu đựng 37 viên đá màu trắng, 02 viên đá màu xanh, 01 viên đá nhiều màu và 01 viên đá màu xanh tím thu giữ của bị cáo là tài sản riêng của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- 01 xe gắn máy biển số 59T1-460.85, số máy: C100ME-0190031, số khung: C100M-0190031. Qua xác minh xe do chị Ngô Thị C (Sinh năm: 1989; HKTT: đường N, phường B, Quận 1) là vợ Bùi Đức N đứng tên đăng ký sở hữu và sử dụng. Việc N sử dụng xe máy trên đi mua ma túy chị C không biết. Tại phiên tòa chị C đề nghị được nhận lại xe. Xét đây là tài sản riêng của chị C không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho chị C.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Bùi Đức N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm p, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày 14/8/2018.

Về xử lý vật chứng:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 gói niêm phong bên trong có 0,1583 gram ma túy ở thể rắn, loại Heroine theo Phiếu nhập kho vật chứng số 260/PNK ngày 24/10/2018 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Trả lại cho bị cáo 01 túi đeo màu xanh đựng 15 vòng kim loại màu bạc, 02 sợi dây chuyền kim loại màu bạc; 01 bóp màu nâu đựng 37 viên đá màu trắng, 02 viên đá màu xanh, 01 viên đá nhiều màu và 01 viên đá màu xanh tím (theo 02 gói niêm phong có ký hiệu số 02, 03) theo Phiếu nhập kho vật chứng số 215/PNK ngày 03/9/2018 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Trả lại cho chị Ngô Thị C 01 xe xe gắn máy biển số 59T1-460.85, số máy: C100ME0190031, số khung: C100M-0190031 theo Phiếu nhập kho vật chứng số 215/PNK ngày 03/9/2018 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí:

Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo:

Áp dụng các Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1;
- Công an Quận 1;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Phúc Hảo